

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-PT

Ngày: 17/3/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Vân**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Mai Hoàng Khải**;

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 và 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2022/QĐXX-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **L N A**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện ủy quyền:** Anh **Nguyễn Duy C**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:**

**2.1. Bà Đ B V** (tên gọi khác Đặng Thị Bích V), sinh năm 1978;

**2.2. Ông P H H**, sinh năm: 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**3. Người kháng cáo:** Bị đơn **Đ B V** và **P H H**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo án sơ thẩm:**

- Nguyên đơn ông **L N A** và người đại diện hợp pháp là chị **Đoàn Thị Ngọc H** trình bày: Ngày 14/6/2021 ông A có cho vợ chồng ông H và bà V vay 50.000.000 đồng. Đến ngày 19/7/2021 có cho vay tiếp 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%, trả lãi hàng tháng. Còn vốn là khi nào cần vốn ông A đòi lại thì cho hay trước phía bị đơn sẽ trả. Sau khi vay phía bà V và ông H không trả lãi, sau đó ông A có đòi nhiều lần vốn nhưng không trả cho đến nay.

Nay ông A yêu cầu ông H và bà V liên đới trả cho bà 100.000.000 đồng vốn vay và tính lãi theo qui định pháp luật 20%/năm kể từ ngày vay cho đến nay.

- *Bị đơn:*

+ *Ông P H H trình bày:* Ông không có vay mượn tiền của ông A nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông A.

+ *Bà V trình bày:* Bà có vay mượn của ông A 02 lần. Ngày 14/6/2021 vay mượn 50.000.000đ và ngày 19/7/2021 vay mượn 50.000.000đ. Mục đích vay tiền là để cho 02 con bà đi học, góp hụi chết và tiêu xài trong gia đình. Trong thời gian vay bà có trả lãi 10% cho ông A nhiều lần tổng cộng là 50.000.000 đồng. Nay bà xác định còn nợ 100.000.000 đồng vốn và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

**\*Bản án dân sự sơ thẩm số:** 142/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 288, 463 và 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L N A:

- Buộc bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H liên đới trả cho ông L N A số tiền vốn là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 22.851.000 đồng. Cộng chung là 122.851.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, tám trăm năm mươi một nghìn đồng).

- Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà V và ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 31 tháng 8 năm 2022, bị đơn P H H và Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông H không chấp nhận liên đới trả nợ cùng bà V và việc miễn trả lãi của bà V.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn *ông L N A* vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H liên đới trách nhiệm trả 100.000.000 đồng nợ vay và lãi theo qui định.

- Người kháng cáo bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi; ông P H H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ông không phải liên đới cùng bà V trả nợ cho ông A.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người kháng cáo bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Bà V có cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh có đóng lãi cho ông A. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, sửa một phần bản án sơ thẩm số 142/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về số tiền lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn *ông L N A* khởi kiện yêu cầu bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H liên đới trách nhiệm trả 100.000.000 đồng tiền nợ vay và lãi theo qui định nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn *ông L N A* với bị đơn bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật TTDS.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H HĐXX nhận thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 43) và tại phiên tòa phúc thẩm ông P H H trình bày:

+ Việc bà V khai vay tiền của ông A về để lo cho 02 con ăn học và tiêu xài trong gia đình là đúng.

+ Ông không đồng ý liên đới cùng vợ (bà V) cùng trả nợ cho ông A vì bà V có đóng lãi cho ông A mà nay ông A chối không có nhận tiền lãi.

+ Ông với bà V là vợ chồng từ trước cho tới nay vẫn hạnh phúc.

Từ các căn cứ trên cho thấy cấp sơ thẩm buộc ông H liên đới cùng bà V trả nợ cho ông H là có căn cứ. Ông H kháng cáo là không có căn cứ nên bác.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của bà V xét thấy bà V kháng cáo xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên bác. Đối với kháng cáo không đồng ý trả lãi HĐXX nhận thấy:

+ Tại đơn khởi kiện ông A xác định cho vay với lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên phía bị đơn xác định lãi 10%/tháng. Do đó xác định hay bên thỏa thuận hợp đồng vay có lãi. Tuy nhiên giữa các bên có tranh chấp về lãi suất. Theo khoản 2

Điều 648 quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này”. Theo khoản 1 Điều 648 qui định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”. Như vậy trường hợp vụ án này có tranh chấp về lãi suất nên phải áp dụng khoản 2 Điều 648 BLDS mới chính xác. Cụ thể mức lãi suất chị V, anh H phải chịu là 50% của 20%/năm. Do đó số lãi chị V, anh H phải chịu chỉ là 11.425.500 đồng (22.851.000 đồng/2).

+ Tại phiên tòa chị V cho rằng đã đóng lãi 50.000.000 đồng. Tuy nhiên chỉ có bà Thẩm chứng kiến chị đóng lãi cho ông A 02 lần là 10.000.000 đồng nên chỉ chấp nhận chị có đóng lãi là 10.000.000 đồng. Số lãi này sẽ được khấu trừ vào phần lãi mà chị V, anh H phải chịu nói trên. Cụ thể số lãi bị đơn phải chịu là 1.425.500 đồng.

\* Từ các căn cứ trên, xét thấy cấp sơ thẩm buộc bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên và trả trong một lần cho ông L N A là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên việc tính lãi 20%/ năm theo khoản 1 Điều 468 BLDS là chưa phù hợp nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu kháng cáo của bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) là có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Ông P H H phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V), không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P H H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 142/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L N A

- Buộc bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H liên đới trả cho ông L N A số tiền 101.425.500 đồng. Thời hạn khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại bà V 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nhận theo biên lai số 0010101 ngày 31/8/2022 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông P H H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0010100 ngày 31/8/2022 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông P H H đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà Đ B V (tên gọi khác Đặng Thị Bích V) và ông P H H phải cùng liên đới chịu 5.071.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông A phải chịu 1.071.200 đồng án phí sơ thẩm do phần lãi bị bác. Được trừ vào 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010060 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn lại ông Ai 1.428.700 đồng tạm ứng án phí còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Vân**